TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HS-ST
Ngày: 18 -9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Viết Côi – Giáo viên nghỉ hưu

Ông Nguyễn Hạ Tuấn – Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP . xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lò Thị H, sinh năm 2001; Nơi ĐKHKTT: Bản Lè, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn M và con bà Lò Thị T. Chồng: Lò Văn T1; con: có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. (Bị cáo có mặt)

2. Trần Văn Đ - sinh năm 1997; Nơi ĐKHKTT: thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và con bà Nguyễn Thị L; vợ, con: chưa có. Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ứ, thành phố Hà Nội. (Bị cáo có mặt)

3. Lò Văn T2 - sinh năm 2002; Nơi ĐKHKTT: Bản Tịm, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kháng;

giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T3 và con bà Lường Thị Đ1; vợ, con: chưa có. Tiền án, Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 21/4/2000, bị Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", chấp hành xong ngày 21/02/2021.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ứ, thành phố Hà Nội. (Bị cáo có mặt)

4. Nguyễn Hoàng H1 - sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ2 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H2; vợ, con: chưa có. Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ứ, thành phố Hà Nội. (Bị cáo có mặt)

**** Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị H***: Ông Nguyễn Ngọc C – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T4, Thành phố Hà Nội

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Anh Nguyễn Đặng Tuấn Đ3 – sinh ngày 16/11/2006 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho anh Đ3 và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Quản Thị Hằng H3 – sinh năm 1981 (vắng mặt)

Đều có HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 26/4/2024, Tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế và ma túy Công an huyện Ứ phối hợp với Công an thị trấn V, huyện Ứ, thành phố Hà Nội làm nhiệm vụ tại khu vực phố T, thị trấn V phát hiện bắt quả tang Lò Văn T2, sinh năm 2002, hộ khẩu thường trú: Bản Tịm, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội và Lò Thị H, sinh năm 2001, trú tại: Bản L, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội có bán trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra, H tự nguyện giao nộp 01 túi ma túy kích thước khoảng (3x2)cm, bên trong có tinh thể màu trắng, H trình bày là ma túy T2 vừa đưa cho H để H bán cho khách. Sau đó, lực lượng công an cho túi ma túy trên vào phong bì thư niêm phong, H, T2 chứng kiến và ký tên vào các mép niêm phong, đồng thời lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H, T2.

Quá trình điều tra làm rõ: Bản thân H làm nhân viên phục vụ quán Karaoke 555, địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội. Khoảng 00 giờ ngày 26/4/2024, có Nguyễn Đặng Tuấn Đ3, sinh ngày: 16/11/2006, trú tại thôn T, xã Đ

là khách thường xuyên đến quán hát hỏi mua của H 01 túi ma túy "Ke" giá 4.500.000 đồng, H đồng ý bán, rồi gọi điện thoại cho Lò Văn T2 để đi lấy ma túy. Sau đó, H nhắn tin cho Trần Văn Đ, sinh năm 1997, trú tại: thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam làm quản lý nhân viên ở xã N, huyện T hỏi mua 01 túi ma túy "Ke" với giá 3.750.000 đồng, H chuyển tiền mua ma túy cho Trần Văn Đ qua số tài khoản 6879199799999 tên TRAN V, rồi bảo T2 đến gặp Đ lấy ma túy, đồng thời H yêu cầu Nguyễn Đặng Tuấn Đ3 chuyển khoản số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó, Đại liên hệ cho Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1993, trú tại: thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, nhờ H1 đi giao ma túy cho Đ và Đ trả công 100.000 đồng, H1 đồng ý và cầm 01 túi ma túy để trong bao thuốc lá do Đ đưa, đi giao ma túy cho Lò Văn T2 tại khu vực đường tàu thuộc địa phận xã V, huyện T, Hà Nội. Sau khi T2 lấy được ma túy và mang về đưa cho H thì bị lực lượng công an bắt quả tang như trên.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ứ đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lò Thị H tại thôn Đ, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội và Lò Văn T2 tại thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, kết quả: Không phát hiện thu giữ gì.

Ngày 30/5/2024, Nguyễn Hoàng H1 đã xin đầu thú tại Công an huyện Ứ về hành vi bán trái phép chất ma túy trên. Ngày 27/6/2024, Cơ quan điều tra ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Văn Đ. Tại Cơ quan điều tra, H1, Đ đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên.

Vật chứng thu giữ: *01 túi nilong kích thước khoảng (3x2)cm, bên trong có 01 tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu hồng (của Lò Văn T2); 01 điện thoại di động Iphone 12 promax màu xám (của Lò Thị H) và Số tiền 3.750.000 đồng (của Trần Văn Đ).*

Ngày 26/4/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ứ ra Quyết định trưng cầu giám định số 694 đối với số ma túy thu giữ ở trên. Tại Kết luận giám định số 3156 ngày 26/4/2024 của Phòng K1 - Công an thành phố H, kết luận: *"Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi ni lông là ma túy loại Ketamine, khối lượng 0,153 gam".*

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số: 84/CT-VKS ngày 15 tháng 8 năm 2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa đã truy tố các bị cáo Lò Văn T2, Lò Thị H, Trần Văn Đ và Nguyễn Hoàng H1 về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS.

Tại phiên toà: Bị cáo đã thừa nhận hành vi như bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Lò Văn T2, Lò Thị H, Trần Văn Đ và Nguyễn Hoàng H1 phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma tuý";

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS: xử phạt các bị cáo Đ, H và T2 mỗi bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS: xử phạt bị cáo H1 từ 24 tháng đến 30 tháng tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy số ma túy gửi lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong; tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại Iphone 12 Pro Max màu xám thu giữ của Lò Thị H và chiếc điện thoại Iphone 7Plus màu hồng thu giữ của Lò Văn T2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 3.750.000 đồng. Buộc bị cáo H phải nộp số tiền 750.000 đồng và bị cáo H1 phải nộp số tiền 100.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

+ Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị H có quan điểm: Đồng ý về mặt tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc, trẻ tuổi, sống ở vung kinh tế khó khăn, con nhỏ để giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi và quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, Điều tra viên Công an huyện Ứ đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự và thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp, phù hợp với các quy định của BLTTHS.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình thẩm tra tại phiên tòa các bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 00 giờ ngày 26/4/2024, Lò Thị H đã nhận tiền để bán 01 túi ma túy "Ke" cho Nguyễn Đặng Tuấn Đ3 với giá 4.500.000 đồng. Sau đó, H hỏi mua 01 túi ma túy "Ke" với giá 3.750.000 đồng của Trần Văn Đ và bảo Lò Văn T2 đến chỗ của Đ lấy ma túy. Lúc này, Đ nhờ Nguyễn Hoàng H1 đi giao 01 túi ma túy Ketamine của Đ cho Lò Văn T2, được trả công 100.000 đồng. Sau khi nhận ma túy, Lò Văn T2 mang túi ma túy trên cho Lò Thị H tại khu vực phố T, thị trấn V, huyện Ứ, thành phố Hà Nội thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, kết quả giám định là 0,153 gam chất ma túy loại Ketamine.

Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xem xét tính chất, vai trò, tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý và sử dụng chất ma tuý của Nhà nước, gây mất trật tự xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác và là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Các bị cáo nhận thức được Nhà nước ta nghiêm cấm việc mua bán, sử dụng ma tuý dưới mọi hình thức nhưng để đạt được mục đích của mình các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, H1 đồng phạm với Đ, T2 đồng phạm với H. H có vai trò chính trong vụ án khi là người hỏi mua ma tuý của Đ rồi bán ma tuý cho Đ3; Đ là người có ma tuý bán cho H; T2 đã có nhân thân về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", H1 biết là ma tuý nhưng vì Đ trả công nên đã đồng ý đi giao ma tuý. Vì vậy cần có mức hình phạt đối với H cao hơn các bị cáo khác mới phù hợp với hành vi và nhân thân của các bị cáo. Đồng thời cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, phù hợp với tích chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo H1 đã xin đầu thú nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các cáo không có việc làm ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Đặng Tuấn Đ3 ngày 26/4/2024 giao dịch mua ma túy Ketamine của Lò Thị H mục đích để sử dụng cho bản thân, Đ3 đã chuyển tiền

nhưng chưa nhận được ma túy nên hành vi của Đ3 không đủ yếu tố cấu thành tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ, tài liệu đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ứ lập hồ sơ theo dõi, quản lý theo quy định là có căn cứ.

Về nguồn gốc số chất ma túy, Trần Văn Đ khai nhận tối ngày 25/4/2024 Đ mua của một nam thanh niên không quen biết đứng ở dệ đường tàu khu vực xã N, huyện T, thành phố Hà Nội với giá 2.500.000 đồng, Đ không nhớ rõ đặc điểm của người này, việc mua bán không có ai biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với tài khoản ngân hàng T5, số C của Nguyễn Đặng Tuấn Đ3 sử dụng để giao dịch mua ma túy, quá trình điều tra xác định chủ tài khoản là chị Quản Thị Hằng H3, sinh năm 1981, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn T, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội, là mẹ của Đ3. Do Đ3 bị mất căn cước công dân nên đã nhờ chị H3 đứng tên, mở tài khoản trên, sau đó Đ3 sử dụng tài khoản trên như thế nào chị H3 không biết. Do vậy, chị H3 không có lỗi.

[6] Các biên pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với số ma tuý gửi lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong đề Công an Thành phố H, Đơn vị Công an huyện Ứ, tên đối tượng Lò Thị H, năm sinh 2001, HKTT: Bản Lè, T, T, Sơn La, ngày niêm phong 26/4/2024. Mặt bên của phong bì có chữ ký của giám định viên, cán bộ điều tra, đối tượng Lò Văn T2, Lò Thị H và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ứ tại các mép niêm phong là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền 3.750.000 đồng (*thu giữ của Trần Văn Đ*) là tiền để giao dịch mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Nguyễn Đặng Tuấn Đ3 đã chuyển khoản thanh toán tiền mua ma tuý cho Lò Thị H số tiền 4.500.000 đồng, H chuyển khoản cho Đ 3.750.000 đồng, số tiền còn lại 750.000 đồng – là tiền thu lời bất chính, cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước. Vì vậy, buộc bị cáo H phải nộp số tiền 750.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 100.000 đồng là tiền Đ trả công cho H3 để đi giao ma tuý, đây là tiền thu lời bất chính nên phải truy thu sung vào ngân sách nhà nước. Vì vậy, buộc bị cáo H3 phải nộp số tiền 100.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu hồng (*của Lò Văn T2*) và 01 điện thoại di động Iphone 12 promax màu xám (*của Lò Thị H*). Xác định là tài sản riêng của T2 và H, ngày 25/4/2024 các đối tượng dùng để liên lạc, trao đổi mua bán chất ma tuý nên cần tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo Nguyễn Hoàng H1) Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Lò Thị H, Trần Văn Đ, Lò Văn T2 và Nguyễn Hoàng H1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lò Thị H **42** *(Bốn mươi hai)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam ngày 26 tháng 4 năm 2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ **30** *(ba mươi)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 09 tháng 7 năm 2024.

2.3. Xử phạt bị cáo Lò Văn T2 **30** *(ba mươi)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam ngày 26 tháng 4 năm 2024.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H1 **30** *(ba mươi)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 5 năm 2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

+ Buộc bị cáo Lò Thị H nộp số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng H1 nộp số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Tịch thu tiêu hủy số ma tuý số ma tuý gửi lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong đề Công an Thành phố H, Đơn vị Công an huyện Ứ, tên đối tượng Lò Thị H, năm sinh 2001, HKTT: Bản Lè, T, T, Sơn La, ngày niêm phong 26/4/2024. Mặt bên của phong bì có chữ ký của giám định viên, cán bộ điều

tra, đối tượng Lò Văn T2, Lò Thị H và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ứ tại các mép niêm phong.

+ Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu hồng (*của Lò Văn T2*) và 01 điện thoại di động Iphone 12 promax màu xám (*của Lò Thị H*).

(*Tình trạng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hoà ngày 30/8/2024 và Uỷ nhiệm chi ngày 26/8/2024)*

4. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn Đ, Lò Thị H, Lò Văn T2 và Nguyễn Hoàng H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Công an huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- UBND xã nơi bị cáo ĐKTT;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Bích Hằng